TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2019/QĐST - HNGĐ	*N, ngày 21 tháng 6 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn chị: Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1992.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 4, Thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn anh: Vi Đức T – Sinh năm: 1984.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 4, Thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào Điều 144; 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 6; 9; 26 và điểm a Khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Vi Đức T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Đức T có ý kiến chung thống nhất. Anh chị kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc và có giấy chứng nhận kết hôn do UBND thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 28/01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong quá trình vợ, chồng chung sống chúng tôi

thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cải vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ tháng 10 năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Hai vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T và anh T thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Đức T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 02 con chung. Cháu thứ nhất tên là Vi Khánh H – Giới tính: Nữ – SN: 21/07/2010. Cháu thứ hai tên là Vi Huyền T – Giới tính: Nữ – SN: 22/04/2015. Cả hai cháu đều phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện tại hai cháu đang sống cùng vợ chồng anh chị tại Khu phố 4, Thị trấn Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Theo ý kiến của cháu Vi Khánh H, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu (chị Nguyễn Thị T). Ly hôn chị Nguyễn Thị T và anh Vi Đức T đều có ý kiến chung, thống nhất giao cả hai cháu Vi Khánh H và cháu Vi Huyền T cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000/cháu đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2019.

Anh Vi Đức T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh thực hiện quyền này. Anh Vi Đức T có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Đức T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí* : Chị Nguyễn Thị T và anh Vi Đức T có ý kiến chung và cùng thống nhất: Chị T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS- HNGĐ sơ thẩm nhưng hiện tại chị đã nộp 300.000 đồng. Vì vậy, chị T được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân, theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001841, ngày 30 tháng 5 năm 2019. Anh Vi Đức T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DSST không giá ngạch vì là người phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu H/s.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn